

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày 26 - 11 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Lực ông Lê Thúc Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2020/TLST - HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn Đ, sinh ngày 01/5/1992, tại tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Xóm M, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cao Lan; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Trần Văn T và con bà Nguyễn Thị T, có vợ và 01 con. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2020 đến nay, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Q Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh N, chức vụ: Chuyên viên-trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân, khối quản trị rủi ro Ngân hàng TMCP Q Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng M, tòa nhà H số 25, Lý Thường K, quận K, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1961, có mặt;

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1993, có mặt;

Đều ở địa chỉ: Xóm M, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Người làm chứng:

- Anh Vũ Hoàng L, sinh năm 1988, vắng mặt.
- Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1986, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 25 phút ngày 09/6/2020, Trần Văn Đ lái xe taxi đang đợi khách ở khu vực ngã tư Ốc Vít thuộc phường Q, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thì nhận được điện thoại của một người tên là Q (không biết họ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) gọi điện bảo Đ đến khu vực trước cửa khách sạn N thuộc phường Q, thành phố Y gặp Q có việc. Trần Văn Đ đồng ý và điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát (BKS): 88A – 292.74 nhãn hiệu HUYNDAI, màu trắng đến gặp Q. Khi đến nơi, Đ thấy Q đứng đợi sẵn ở gần khách sạn, Đ dừng xe hạ cửa kính phía trước, Q đưa cho Đ 01 vỏ bao thuốc lá 555 và bảo: “Em cầm túi đồ giao cho khách ở Phúc Yên lấy 1.700.000đ về cho anh” ; Đ cầm bao thuốc lá kiểm tra thấy bên trong bao thuốc có 01 túi nilon bên trong chứa tinh thể dạng đá. Lúc này Đ biết đó là ma túy đá, Q bảo đem đi bán lấy tiền, Đ đồng ý nên Q đọc cho Đ số điện thoại của người mua ma túy. Trần Văn Đ cầm bao thuốc lá bên trong có ma túy cất vào trong cốp phụ cạnh bên ghế lái trong xe. Trên đường đi từ Vĩnh Yên xuống Phúc Yên, Đ gọi điện thoại vào số điện thoại mà Q đã cho trước đó, thì biết người mua ma túy tên là Nguyễn Văn H, sinh năm 1988, Hộ khẩu TT: Xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội. Trần Văn Đ nói: “ Anh đang ở đâu đấy, em cầm đồ xuống Phúc Yên cho anh”, người đàn ông tên H biết Q bảo Đ mang ma túy xuống bán cho H nên trả lời: “Em đi đến chợ đám Tiền Châu thì gọi cho anh” rồi tắt máy. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực cây đa Tiền Châu, Trần Văn Đ tiếp tục gọi điện cho H thì H nói: “Anh đang đứng trước cửa nhà hàng Ánh Tuyết đây” , lúc này Đ thấy H đang đứng ngoài vỉa hè nên trả lời vâng và Đ điều khiển xe đến vị trí H đứng rồi dừng xe. Lúc này H mở cửa xe ô tô và ngồi ghế phụ cạnh ghế lái của Đ và hỏi: “ Em ở chỗ Q à” thì Đ trả lời “ Vâng”. H đưa cho Đ số tiền 1.700.000đồng là tiền mua ma túy thì Đ cầm tiền và nói: “Anh trả thêm em 100.000đồng” H đồng ý và đưa thêm cho Đ số tiền 100.000đồng. Đ cầm tiền và đếm được số tiền 1.800.000đồng, đếm xong Đ để tiền ở hộc để điện thoại dưới phanh tay rồi mở cốp phụ xe lấy vỏ bao thuốc lá có ma túy đưa cho H, nhưng chưa kịp đưa thì tổ công tác Công an thành phố Phúc Yên phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

**Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:*

Thu giữ tại lòng bàn tay phải của Đ 01 vỏ bao thuốc lá hiệu 555 màu trắng xanh, bên trong có 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng. Đ khai nhận đó là gói ma túy đá đem bán cho H; được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1.

Thu giữ tại vị trí hộc để điện thoại dưới phanh tay bên trong ô tô BKS: 88A – 292.74 số tiền 1.800.000đồng, Đ khai là tiền bán ma túy cho H.

Thu giữ của Đ 01 điện thoại di động Realme màu tím đen, màn hình đã bị nứt vỡ, 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 3.400.000đ, 01 xe ô tô BKS: 88A – 292.74; 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Trần Văn Đ, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô trên; 01 đăng kí xe (bản phô tô) của xe ô tô BKS: 88A – 292.74, chủ xe đứng tên Trần Văn Đ. Thu giữ của Hòa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sonny màu đen đã cũ. Tất cả các tài sản trên đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên chờ xử lý.

Tại Bản kết luận giám định số: 1380/KLGD ngày 13/6/2020, phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận:

1. Tinh thể dạng đá của mẫu kí hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,8375g (hai phẩy tám ba bảy năm gam, không kể bao bì), loại Methamphetamine. Cơ quan giám định đã hoàn lại sau giám định là A1= 2,4114gam mẫu cùng toàn bộ bao gói niêm phong trong cùng một bao gói giấy “MẪU TRẢ” .

Đối với nam thanh niên tự khai tên là Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 Đăng ký HKTT: Xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội là người mua ma túy ngày 09/6/2020 của bị cáo Đ. Quá trình điều tra xác minh tại địa phương, nơi địa chỉ ban đầu H đã khai nhưng không có ai có tên tuổi địa chỉ như trên nên. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên Q, là người bị cáo Đ khai đã đưa ma túy cho Đ đem bán kiếm lời. Quá trình điều tra, xác minh tại địa phương nơi Đ khai Quý sinh sống nhưng không có ai có tên tuổi địa chỉ cụ thể như trên. Nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 72/CT-VKSPY ngày 02 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố Trần Văn Đ về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Đ; sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung bị cáo từ 5000.000đồng đến 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước, đề nghị xử lý vật chứng như nội dung Cáo trạng đã đề cập.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Lời khai của người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản kết luận giám định và phù hợp với vật chứng đã thu giữ hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 16 giờ 30 phút ngày 09/6/2020, tại khu vực tổ dân phố C, phường C, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an thành phố Phúc Yên phát hiện bắt quả tang Trần Văn Đ có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy Methamphetamine có khối lượng = 2,8375 gam cho đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; đăng ký HKTT: Xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội với giá 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Đ đã phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự, cụ thể:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 72/CT - VKSPY ngày 02 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi nêu trên của Trần Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng tình hình trị an địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân, tính chất vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; trong quá trình điều tra truy tố xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm của mình, hơn nữa mẹ bị cáo có thời gian tham gia kháng chiến được hưởng chế độ trợ cấp. Đây là những tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cần phải áp dụng hình phạt tù giam như đề xuất của Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bán trái phép chất ma túy với mục đích kiếm lời, bị cáo làm nghề lái xe taxi có thu nhập. Nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Đối với người đàn ông tên Q, là người Đ khai đã đưa ma túy cho Đ đem bán kiếm lời. Quá trình điều tra, xác minh tại địa phương nơi Đ khai Q sống nhưng không có ai có tên tuổi địa chỉ cụ thể như trên, nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp..

[7] Đối với người thanh niên mua ma túy của bị cáo Đ ngày 09/6/2020, tự khai là Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; đăng ký HKTT: Xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội. Quá trình điều tra xác minh tại địa phương nơi địa chỉ ban đầu H đã khai nhưng không có ai có tên tuổi địa chỉ cụ thể như trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[8] Về vật chứng vụ án:

Cần tịch thu tiêu hủy mẫu ma túy A1 cùng bao gói niêm phong trong cùng một bao gói giấy “MẪU TRẢ” cơ quan giám định hoàn lại.

Đối với 01 ví giả da màu nâu, số tiền 3.400.000đ, 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Trần Văn Đ, không sử dụng vào mục đích mua bán ma túy cần trả lại bị cáo Trần Văn Đ. Nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền 3.400.000đồng trên để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.800.000đồng là tiền bán ma túy mà có.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động cơ quan điều tra đã thu giữ của Định và Hòa vì có liên quan đến hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ về 01 xe ô tô BKS: 88A – 292.74, nhãn hiệu HUYNDAI, màu trắng đăng ký xe mang tên bị cáo Trần Văn Đ, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc Công an thu giữ, là tài sản của bị cáo Đ và chị T (vợ bị cáo), đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam - chi nhánh Vĩnh Phúc. Việc bị cáo Đ ngày 09/6/2020 sử dụng chiếc xe ô tô này vào việc phạm pháp là vi phạm nghĩa vụ thế chấp với Ngân hàng. Ngày 07/9/2020 và ngày 14/9/2020 Ngân hàng VIB ra quyết định thu hồi tài sản thế chấp và thông báo thu hồi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nêu trên; tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử giao chiếc xe ô tô trên cho Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ. Ngân hàng, bị cáo Đ và chị T xác định tính đến hết ngày 03/9/2020 bị cáo Đ và chị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 321.200.444đồng (Ba trăm hai mươi một triệu hai trăm nghìn bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 320.678.573đồng và lãi là 521.871đồng. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị

cáo Trần Văn Đ và chị Trần Thị T nhất trí đề nghị giao chiếc ô tô BKS: 88A – 292.74, nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô trên, cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc phối hợp với Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam xử lý bán đấu giá thu hồi khoản nợ đã vay chung của vợ chồng để thu hồi nợ, số tiền còn lại (nếu có) xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, nhận thấy hiện chiếc xe ô tô BKS: 88A – 292.74, nhãn hiệu HUYNDAI, màu trắng, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trên ngày 18/11/2020 đã được Cơ quan điều tra bàn giao sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên chờ xử lý, vậy quan điểm của bị cáo Đ và chị T trong quá trình giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Nên cần giao chiếc ô tô nêu trên và giấy tờ kèm theo cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc phối hợp với Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam xử lý bán đấu giá thu hồi khoản nợ của bị cáo Đ và chị T đã vay, số tiền còn lại (nếu có) giao cho chị Trần Thị T quản lý.

[9] Đối với ông Trần Văn T là bố của bị cáo Đ, năm 2019 có cho vợ chồng bị cáo vay số tiền 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để mua chiếc xe ô tô BKS: 88A – 292.74, nhãn hiệu HUYNDAI, màu trắng nêu trên. Nay ông T không yêu cầu bị cáo Đ và chị T trả lại khoản tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09 tháng 6 năm 2020.

Phạt bổ sung bị cáo Đ 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 213, Điều 297, 298, 317 và Điều 323 của Bộ luật dân sự.

Tịch thu tiêu hủy bao gói niêm phong “MẪU TRÁ” A1 = 2,4114g cùng cùng bao gói niêm, 01 vỏ bao thuốc lá hiệu 555.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 1.800.000đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Realme màu tím đen, màn hình đã nứt vỡ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sonny màu đen đã cũ.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn Đ 01 ví giả da màu nâu, số tiền 3.400.000đồng, 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Trần Văn Đ, nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền 3.400.000đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Giao 01 xe ô tô BKS: 88A – 292.74, nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô trên, cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc phối hợp với Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam xử lý bán đấu giá thu hồi khoản nợ bị cáo Đ và chị T đã vay của Ngân hàng theo quy định của pháp luật; giao cho chị Trần Thị T quản lý phần giá trị của chiếc xe ô tô còn lại của vợ chồng (nếu có). Theo Hợp đồng tín dụng số: 819818719 ngày 04/10/2019, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 2517319.19 ngày 04/10/2019, kèm theo phụ lục ngày 04/10/2019 và Giấy chứng nhận giao dịch bảo đảm.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Trần Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THỊ THÚY

